Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2931.10.10

Mã HS	2931.10.10
Mô tả hàng hóa	Hợp chất vô cơ - hữu cơ khác / - Chì tetrametyl và chì tetraetyl: / - - Chì tetrametyl
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 04:57:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/29311010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4293
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4293
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4293
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4247
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4208
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4208
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4208
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4208
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4208
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4208
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4246
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4246

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4246
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4246
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4246
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4246
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4250
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4250
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4250
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4250
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4250
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4250
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4250
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4214
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4210
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4210
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4210
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4210
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4210
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4210
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4210
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4210
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4210
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4210
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4210
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4210
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4257
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4257

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4257
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4257
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4257
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4257
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4254
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4254
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4254
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4254
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4254
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4254
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4262
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4262
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4262
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4262
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4262
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4262
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4233
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4233
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4233
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4233
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4233
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4233
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4235
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4235
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4235
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4235

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4235
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4235
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4233
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4233
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4233
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4233
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4233
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4233
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4233
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4254
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4254
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4254
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4254
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4254
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4254
RCEP B	2022	2022	0	B!D4254
RCEP B	2023	2023	0	B!E4254
RCEP B	2024	2024	0	B!F4254
RCEP B	2025	2025	0	B!G4254
RCEP B	2026	2026	0	B!H4254
RCEP B	2027	2027	0	B!I4254
RCEP C	2022	2022	0	C!D4254
RCEP C	2023	2023	0	C!E4254
RCEP C	2024	2024	0	C!F4254
RCEP C	2025	2025	0	C!G4254
RCEP C	2026	2026	0	C!H4254

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4254
RCEP D	2022	2022	0	D!D4254
RCEP D	2023	2023	0	D!E4254
RCEP D	2024	2024	0	D!F4254
RCEP D	2025	2025	0	D!G4254
RCEP D	2026	2026	0	D!H4254
RCEP D	2027	2027	0	D!I4254
RCEP E	2022	2022	0	E!D4257
RCEP E	2023	2023	0	E!E4257
RCEP E	2024	2024	0	E!F4257
RCEP E	2025	2025	0	E!G4257
RCEP E	2026	2026	0	E!H4257
RCEP E	2027	2027	0	E!I4257
RCEP F	2022	2022	0	F!D4254
RCEP F	2023	2023	0	F!E4254
RCEP F	2024	2024	0	F!F4254
RCEP F	2025	2025	0	F!G4254
RCEP F	2026	2026	0	F!H4254
RCEP F	2027	2027	0	F!I4254
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3910
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3910
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3910
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3910

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hóa chất Bảng 2 (2B-Các tiền chất 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)		33/2024/NĐ-CP, 26/2026/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Khai báo HC NK trước khi TQ qua CTT 1CQG (Đ6-NĐ26)			Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2931.10 có 2 dòng thuế; dòng 2931.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chì tetrametyl.	2931.10.20 Chì tetraetyl	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2931.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2931.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4293), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hóa chất Bảng 2 (2B-Các tiền chất 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)
Khai báo HC NK trước khi TQ qua CTT 1CQG (Đ6-NĐ26)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.